

Bản án số: 123/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 10/9/2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Quang Khuyển.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Tiến Hạnh,
- Bà Nguyễn Thị Huệ,

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng, tại điểm cầu T Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng; ông Nguyễn Mạnh H, tại điểm cầu thành phần Hội trường thôn B, xã T, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Khương Viêt Xuân - Kiểm sát tại điểm cầu trung tâm tại Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng.

Kiểm sát viên ông Nguyễn Xuân S, tại điểm cầu thành phần Hội trường thôn B, xã T, thành phố Hải Phòng.

Ngày 10 tháng 9 năm 2026, tại điểm cầu T, Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng và điểm cầu thành phần tại Hội trường thôn B, xã T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ dân sự thụ lý số 272/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2026 giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Anh Đ**, sinh ngày 05/01/2001;

Căn cước công dân số: 040301011112;

Nơi thường trú: Thôn H, xã T, thành phố Hải Phòng (nay là thôn C, xã T, thành phố Hải Phòng).

Chỗ ở hiện nay: Xóm F, thôn L, xã Đ, tỉnh Nghệ An.

Người được chị Đ ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng:

- Chị **Hoàng Thị H1**, sinh ngày 30/6/2002; CCCD số: 006302003002.

- Chị **Nguyễn Phương H2**, CCCD số: 038302008191.

Nơi cư trú đều ở: Số A, ngõ B, phố T, phường H, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 02/06/2002;

Căn cước công dân số: 030202006275;

Nơi thường trú: Thôn H, xã T, thành phố Hải Phòng (nay là thôn C, xã T, thành phố Hải Phòng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình khai tại Tòa án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Anh Đ trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện, hai bên gia đình nhất trí và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương, nay là xã T, thành phố Hải Phòng ngày 26/10/2023 và được tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi cưới thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng càng về sau nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm trong cuộc sống và cách chăm sóc con, quản lý chi tiêu trong gia đình, khác biệt về cách nhìn nhận cuộc sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Dù cả hai đã cố gắng hòa giải, hai bên gia đình nhiều lần khuyên can nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị đã bỏ về nhà đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2026 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn, đời sống chung đã mất, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T không nhất trí ly hôn là cố tình gây khó khăn cho chị, do vậy chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Đức A, sinh ngày 12/8/2025, đến nay mới được hơn một tuổi. Ly hôn chị đề nghị giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị đủ điều kiện trông nom, chăm sóc con, nuôi dưỡng con đến khi trưởng thành, chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị. Bố mẹ chị vẫn khoẻ mạnh, sẵn sàng hỗ trợ cho chị về nơi ăn, chỗ ở, vật chất, tinh thần và việc chăm sóc con khi chị đi làm.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc với Tòa án, quá trình khai tại Tòa án, các tài liệu khác có tại hồ sơ và tại phiên toà bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh xác định về điều kiện, thời gian kết hôn thống nhất như phần trình bày của chị Đ. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và việc chăm sóc con, về tiền bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ, không lớn, anh không đuổi, không đánh, chị Đ tự bỏ về nhà đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2026 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, trong quá trình giải quyết vụ án chị Đ xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn, tại phiên toà anh xác định tình cảm giữa anh và chị Đ không còn, không thể hàn gắn được, chị Đ xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Đ có 01 con chung Nguyễn Đức A, sinh ngày

12/8/2025, cháu hiện đang ở với mẹ. Tại phiên toà anh xác định, chị Đ có nguyện vọng nuôi con, anh đồng ý với nguyện vọng của chị Đ, anh đề nghị giao cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chị Đ không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con chung anh đồng ý nhưng anh vẫn có trách nhiệm với con.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của người thân gia đình chị Đ bà Dương Thị L trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Anh Đ, anh Nguyễn Văn T là con rể, về thời gian kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị Đ trình bày. Nay chị Đ xin ly hôn anh T, bà nhất trí với nguyện vọng của chị Đ. Anh T, chị Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức A. Cháu hiện đang ở với mẹ và ông bà, cháu đang phát triển tốt, gia đình bà có nơi ổn định, điều kiện sinh hoạt đầy đủ, luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để mẹ con chị Đ cuộc sống ổn định. Bà đề nghị Tòa án giao cháu Đức A cho chị Đ nuôi dưỡng. Trường hợp chị Đ được tiếp tục nuôi con bà cam kết sẽ luôn đồng hành, hỗ trợ cho mẹ con chị Đ về chỗ ở, thời gian, công sức cũng như điều kiện vật chất để đảm bảo cho cháu Đức A được chăm sóc, nuôi dưỡng trong môi trường tốt nhất. Quá trình chung sống anh T, chị Đ không có công sức đóng góp với ông bà.

Lời khai của người thân anh T, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh T, về thời gian kết hôn đúng như chị Đ, anh T trình bày. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khi chị Đ về quê Nghệ An thăm bố mẹ, khi về thì chị Đ có thái độ không tôn trọng anh T và gia đình ông bà, anh T, chị Đ không cãi nhau nhưng chị Đ cứ lảm lì, không giao tiếp với ông bà. Tháng 5/2026 chị Đ tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở và anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Chị Đ xin ly hôn anh T, bà mong muốn Tòa án tiếp tục hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Nếu không được thì đề nghị giải quyết theo pháp luật. Anh T, chị Đ có 01 con chung đúng như chị Đ, anh T trình bày. Việc giải quyết nuôi dưỡng con chung bà đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của anh T. Quá trình chung sống anh T, chị Đ không có công sức đóng góp với ông bà.

Kết quả làm việc, xác minh tại chính quyền địa phương bà An Thị L1 - Trưởng thôn C trình bày: Anh T, chị Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương, nay là xã T, thành phố Hải Phòng. Trong thời gian chung sống anh T, chị Đ sống hoà thuận, hạnh phúc đến khi nào thì xảy ra mâu thuẫn, bà không nắm được, khi chị Đ làm đơn xin ly hôn không mời địa phương và các đoàn thể hoà giải. Nay chị Đ xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX và thư ký phiên toà tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân

sự; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 Điều 51; 56; 57, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a,b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Anh Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Anh Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Đức A, sinh ngày 12/8/2025, cho chị Nguyễn Thị Anh Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Anh Đ có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn T là bị đơn; Nơi đăng ký thường trú: thôn C, xã T, thành phố Hải Phòng; Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại. Chị Đ nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, tại phiên tòa nguyên đơn chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh T có mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Anh Đ và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương nay là xã T, thành phố Hải Phòng ngày 26/10/2023. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn. Đây là hôn

nhân hợp pháp. Trình bày của chị Đ phù hợp với lời khai của anh T và lời trình bày của người thân hai bên gia đình, nên có cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị Đ, anh T có mâu thuẫn. Mâu thuẫn về bất đồng quan điểm trong cuộc sống, về việc chăm sóc con và về tiền bạc, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2026, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau mỗi người ở một nơi. Chị Đ xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn, không thể hàn gắn được, chị đề nghị được ly hôn anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không nhất trí ly hôn, tại phiên tòa anh xác định tình cảm giữa anh và chị Đ không còn, không thể hàn gắn được, chị Đ xin ly hôn anh nhất trí ly hôn. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị Đ và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị Nguyễn Thị Anh Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn T là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Đ, anh T có 01 con chung là Nguyễn Đức A, sinh ngày 12/8/2025, cháu hiện đang ở với chị Đ và ông bà ngoại đang phát triển tốt. Ly hôn chị Đ đề nghị giao cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, chị đủ điều kiện trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng con đến khi trưởng thành. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị. Tại phiên tòa anh T đồng ý theo nguyện vọng của chị Đ, ly hôn anh đề nghị giao cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đức A, chị Đ tự nguyện không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh đồng ý nhưng anh vẫn có trách nhiệm với con. Xét nguyện vọng của chị Đ, anh T thì thấy: Đến ngày xét xử, cháu Đức A chưa đủ 36 tháng tuổi, bố mẹ chị Đ cam kết luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để mẹ con chị có cuộc sống ổn định luôn đồng hành, hỗ trợ cho mẹ con chị Đ cả chỗ ở, thời gian, công sức cũng như điều kiện vật chất để đảm bảo cho mẹ con chị Đ với môi trường tốt nhất. Cháu Đức A đến nay mới được hơn một tuổi, chị cam kết đủ điều kiện chăm lo, nuôi dưỡng con đến khi trưởng thành, do vậy cần giao cháu Đức A cho chị Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đ về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị Đ, anh T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Anh Đ khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; 56; 57, Điều 81,82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a,b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228, Điều 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Luật phí lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Anh Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Anh Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Đức A, sinh ngày 12/8/2025, cho chị Nguyễn Thị Anh Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai ký hiệu: BLTU/26E, Số: 0006295 ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng, chị Đ đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Đ vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Bị đơn anh T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 13 - Hải Phòng;
 - Các đương sự;
 - Thi hành án dân sự TP. Hải Phòng;
 - UBND xã Thanh Miện, TP Hải Phòng;
- (để ghi vào sổ hộ tịch; ĐK số 26, ngày 26/10/2023).
- Lưu hồ sơ vụ án. VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Quang Khuyến